TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 130/2023/HS-ST
Ngày 09-8-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH - TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Đức.

2. Bà Lê Thị Sinh Chi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lan Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2023, tại 02 điểm cầu, điểm cầu Trung tâm tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình và điểm cầu thành phần tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 128/2023/HSST ngày 19 tháng 7 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2023/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo:

Lê Văn S, sinh ngày 11/12/1991 tại tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: thôn T, xã T, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 08/12**;** Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Con ông Lê Văn L và bà Hà Thị C; Có vợ là Đồng Thị H, Nguyễn Thị N, đều đã ly hôn, có 01 con; Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Bản án số 52/2015/HSST ngày 18/8/2015. Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Bình xử phạt 02 năm 6 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, thời hành tù tính từ ngày 18/6/2015.

Bị cáo bắt tạm giam ngày 11/5/2023 đến nay. Có mặt.

- *Bị hại:* Công ty Điện lực T;

Người đại diện theo pháp luật: Ông L – Chức vụ: Giám đốc.Người đại diện theo ủy quyền: Ông Chu Bạch D, sinh năm 1976 – Đội trưởng Đội quản lý vận hành lưới điện cao thế Thái Bình trực thuộc Công ty Điện lực T. (*Theo Giấy ủy quyền số 1280/GUQ-PCTB ngày 09/5/2023*). Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1973; Trú tại đường T, phường T, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

- *Người làm chứng*:

1. Bà Lê Thị D, sinh năm 1955; Trú tại: Thôn T, xã T, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

2. Bà Hà Thị C, sinh năm: 1971; Trú tại: Thôn T, xã T, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Có mặt.

*** Điểm cầu thành phần:**

1. Những người tiến hành tố tụng:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa: ông Lương Duy Long– Kiểm sát viên.

2. Những người tham gia tố tụng:

Bị cáo: **Lê Văn S.** Có mặt.

3. Những người tham gia tố tụng khác: Ông Bùi Duy Khiên và ông Đặng Viết Hải - Cán bộ Đội thi hành án Hình sự và Hỗ trợ Tư pháp Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình**.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền tiêu xài cá nhân nên ngày 30/4/2023 và ngày 04/5/2023, Lê Văn S đã điều khiển xe máy nhãn hiệu YAMAHA FZ 16 màu đen, biển kiểm soát 93K1 - 028.40 mang theo 01 mỏ lết 12 bằng kim loại từ nhà S đến khu vực cánh đồng xã P, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình để tháo trộm các thanh giằng sắt tại các cột điện cao thế do Công ty Điện lực T quản lý rồi bán lấy tiền tiêu xài cụ thể:

- Vụ thứ nhất: Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 30/04/2023, Lê Văn S điều khiển xe máy từ nhà đến khu vực cánh đồng thôn P, xã P, thành phố Thái Bình. Đến nơi

S dựng xe bên đường rồi đi đến cột điện cao thế số 82 đường dây 110 KV, S trèo lên trên cột điện, sử dụng mỏ lết vặn các ốc bu lông rồi tháo trộm được tổng 21 thanh giằng sắt V63 đều có kích thước L63x63x6 gồm: 02 thanh giằng NB 413, chiều dài 1080 mm, trọng lượng 11,34 kg; 02 thanh giằng NB 412, chiều dài 2700 mm, trọng lượng 22,36 kg; 03 thanh giằng NB 411, chiều dài 760 mm, trọng lượng 11,64 kg; 04 thanh giằng NB 410, chiều dài 1560 mm, trọng lượng 32,67 kg; 05 thanh giằng NB 409, chiều dài 1763 mm, trọng lượng 45,95 kg; 05 thanh giằng NB 408, chiều dài 2000 mm, trọng lượng 19,4 kg và 01 thanh giằng sắt NB 404(V8), kích thước L80x80x8, chiều dài 5600 mm, trọng lượng 53,81 kg. Sau khi tháo xong S bê các thanh giằng đã trộm cắp được xếp lên xe máy rồi chở đến cửa hàng thu mua sắt vụn của chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1973, trú tại đường T, phường T, thành phố Thái Bình cân và bán được 260 kg sắt cho chị L với giá 7.800đồng/1kg tương ứng với số tiền 2.028.000 đồng. Số tiền này S đã tiêu xài cá nhân hết.

- Vụ thứ hai: Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 04/5/2023 Lê Văn S điều khiển xe máy từ nhà S đến khu vực cánh đồng thôn V, xã P, thành phố Thái Bình. Đến nơi S dựng xe bên đường rồi đi đến khu vực cột điện cao thế số 72 đường dây 110 KV, S trèo lên trên cột điện, sử dụng mỏ lết vặn các ốc bu lông tháo được 24 thanh giằng sắt V65, có kích thước L65x65x6 gồm: 03 thanh giằng DA 404, chiều dài 2646 mm, trọng lượng 39,69 kg; 03 thanh giằng DA 405, chiều dài 2796 mm, trọng lượng 41,94 kg; 03 thanh giằng DA 406, chiều dài 2702 mm, trọng lượng 40,53 kg; 04 thanh giằng DA 407, chiều dài 2609 mm, trọng lượng 52,2 kg; 03 thanh giằng DA 408, dài 2517 mm, trọng lượng 37,77 kg; 03 thanh giằng DA 409, chiều dài 2425 mm, trọng lượng 36,39 Kg; 02 thanh giằng DA 410, chiều dài 2334 mm, trọng lượng 23,34 kg; 02 thanh giằng DA 411, chiều dài 3597 mm, trọng lượng 35,98 kg; 01 thanh giằng DA 303, chiều dài 2700 mm, trọng lượng 13 kg. Sau khi tháo được các thanh giằng trên, S bê các thanh giằng để ở ven đường đồng. Sau đó S tiếp tục đi bộ đến cột điện cao thế số 74 đường dây 110 KV, S trèo lên cột điện và dùng mỏ lết vặn các ốc bu lông tháo tiếp 03 thanh giằng các loại gồm: 01 thanh giằng NB 508(V75), kích thước L75x75x6, chiều dài 4071 mm, trọng lượng 27,89 kg; 01 thanh giằng NB 509(V7), kích thước L70x70x6, chiều dài 4553 mm, trọng lượng 29,05 kg; 01 thanh giằng NB 510(V5), kích thước L50x50x5, chiều dài 1162 mm, trọng lượng 4,38 kg. Sau khi tháo xong S tiếp tục bê các thanh giằng để ở ven đường đồng rồi S điều khiển xe máy đi về nhà lấy 01 xe lôi của bà Lê Thị D, sinh năm 1955, trú tại thôn T, xã T, thành phố Thái Bình để ở lô đất trống cạnh nhà S. S móc xe lôi vào phần đuôi xe máy rồi điều khiển xe đi đến khu vực cánh đồng thôn V, xã P, thành phố Thái Bình. Đến nơi S xếp toàn bộ các thanh giằng sắt vừa tháo trộm được lên xe lôi rồi tiếp tục chở đến cửa hàng thu mua sắt vụn của chị

Nguyễn Thị L, cân và bán được 290 kg sắt với giá bán giá 7.800đồng/1kg, tương ứng với số tiền 2.262.000 đồng. Số tiền này S đã tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 08/5/2023 anh Chu Bạch D là đội trưởng độ quản lý vận hành lưới điện cao thế thuộc Công ty Điện lực T phát hiện tại các cột điện số 72; 74; 82 thuộc thôn P và thôn V, xã P, thành phố Thái Bình, bị mất một số thanh giằng sắt nên đã đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình để trình báo sự việc. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã triệu tập Lê Văn S làm việc, tại Cơ quan điều tra Lê Văn S đã khai nhận hành vi phạm tội và giao nộp 01 xe máy nhãn hiệu YAMAHA FZ 16 màu đen, biển kiểm soát 93K1-028.40, là phương tiện S đã sử dụng để đi trộm cắp tài sản. Ngày 10/5/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Lê Văn S thu 01 mỏ lết bằng kim loại màu trắng.

Tại bản kết luận định giá số 18/KL- HĐĐGTS ngày 11/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Thái Bình kết luận tổng trị giá tài sản định giá mà Lê Văn S trộm cắp là 9.980.236 đồng (*Chín triệu chín trăm tám mươi nghìn hai trăm ba mươi sáu đồng).*

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận như trên. Lời khai của bị hại cũng thể hiện như lời khai của bị cáo.

Tại bản cáo trạng số 136/CT-VKSTPTB ngày 19/7/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình truy tố Lê Văn S về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 11/5/2023. Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Buộc bị cáo phải bồi thường cho Công ty Điện lực T số tiền 5.099.875 đồng. Chuyển số tiền 5.099.875 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình để thực hiện trách nhiệm bồi thường của bị cáo với bị hại. Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự để trả lại bị cáo 01 xe máy nhãn hiệu YAMAHA FZ 16 màu đen, biển kiểm soát 93 K1- 028.40, đã qua sử dụng vì xe là tài sản bị cáo sử dụng vào việc đi lại hàng ngày. Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 mỏ lết bằng kim loại màu trắng. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có tranh luận gì. Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét thấy, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của bị hại và còn được chứng minh bằng: Biên bản khám nghiệm hiện trường; Sơ đồ hiện trường; Bản ảnh hiện trường do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình lập ngày 08/5/2023; Biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử ngày 10/5/2023 tại Công an phường T, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình; Kết luận định giá số 18/KL- HĐĐGTS ngày 11/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Thái Bình cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Lê Văn S đã có hành vi dùng mỏ lết tháo trộm thanh giằng sắt hình chữ V các loại được lắp đặt trên các cột điện cao thế số 72, 74, 82 đường dây 110KV đi qua cánh đồng thôn và thôn V, xã P, thành phố T, tỉnh Thái Bình cụ thể ngày 30/4/2023 trộm cắp 21 thanh giằng sắt V63 và 01 thanh giằng sắt NB 404(V8) tại cột điện cao thế số 82 trị giá 3.412.286 đồng; ngày 04/5/2023 trộm cắp 24 thanh giằng sắt V65 tại cột điện cao thế số 72, 03 thanh giằng các loại tại cột điện cao thế số 74 trị giá 6.568.040 đồng là tài sản do Công ty Điện lực T quản lý. Tổng giá trị tài sản Lê Văn S đã trộm cắp được trị giá 9.980.326 đồng mục đích để tiêu xài cá nhân.

[3] Như vậy hành vi của bị cáo đã phạm tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Điều 173. Tội trộm cắp tài sản quy định: "*1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm: ...*" Vì vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình

sự theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, cáo trạng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, xâm phạm đến trật tự trị an xã hội và gây hoang mang cho quần chúng nhân dân trong việc quản lý tài sản. Bị cáo đã biết rõ việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện thể hiện sự coi thường pháp luật.

[5] Bị cáo đã hai lần thực hiện hành vi phạm tội nên phải chịu tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự nhưng được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là đã tác động gia đình bồi thường khắc phục hậu quả, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, thành khẩn khai báo nên giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Bị cáo có nhân thân xấu, đã bị đưa ra xét xử nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà lại tiếp tục phạm tội nên cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng cải tạo giáo dục bị cáo và đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Anh Chu Bạch D đại diện Công ty Điện lực T đã nhận lại 27 thanh giằng sắt V, tổng trọng lượng 283,87 kg và yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho công ty tổng giá trị tài sản của 22 thanh giằng sắt chữ V tương ứng là 5.099.875 đồng và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường khoản chi phí nào khác nên cần buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền trên. Ngày 12/7/2023, bà Hà Thị C là mẹ đẻ của bị cáo đã nộp số tiền 5.099.875 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình để bị cáo khắc phục hậu quả nên cần chuyển cho bị hại số tiền trên. Bà Hà Thị C không yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền trên nên không đặt ra giải quyết.

[7] Đối với 01 xe lôi loại xe ba bánh, Lê Văn S đã sử dụng để chở tài sản trộm cắp được đi bán. Quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của bà Lê Thị D, sinh năm 1955; Trú tại: Thôn T, xã T, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình thường xuyên gửi tại khu đất của gia đình nhà S. Ngày 04/5/2023, bà D không biết việc S sử dụng xe để chở tài sản trộm cắp được đi bán. Ngày 26/6/2023, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe trên cho bà Lê Thị D. Bà D đã nhận lại tài sản và không có ý kiến gì nên không đặt ra giải quyết.

[8] Đối với bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1974, trú tại đường T, phường T, thành phố Thái Bình, là người mua tài sản nhưng khi mua không biết là tài sản do bị cáo trộm cắp mà có. Quá trình điều tra bà L tự nguyện giao nộp lại 27 thanh

giằng sắt và không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại số tiền 2.028.000 đồng nên không đặt ra giải quyết.

[9] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 xe máy nhãn hiệu YAMAHA FZ 16 màu đen, biển kiểm soát 93 K1- 028.40, đã qua sử dụng. Quá trình điều tra xác định chủ đăng ký xe là anh Vương Thạch V, sinh năm 1988, trú tại , xã T, huyện P, tỉnh Bình Phước. Tháng 07/2017, anh V đã bán chiếc xe cho anh Nguyễn Đình Đ, sinh năm 1988, trú tại Khu C, thị trấn M, huyện T, thành phố Hải Phòng. Tháng 12/2019 anh Đ bán lại chiếc xe cho anh Nguyễn Vũ Anh B, sinh năm 1998, trú tại xã T, huyện T, Hải Phòng. Tháng 6/2020 anh B bán lại chiếc xe cho anh Hà Văn T, sinh năm 1983, trú tại thôn Đ, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình, khi bán xe anh B và anh T có viết giấy tờ mua bán xe với nhau. Đến tháng 12/2020 anh T đã bán lại chiếc xe cho Lê Văn S với giá 10.000.000 đồng, anh T đã bàn giao giấy đăng ký xe và giấy mua bán xe viết tay giữa anh B và anh T cho S, quá trình sử dụng S đã làm mất giấy tờ mua bán xe và giấy đăng ký xe. Xác định xe này của bị cáo, bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước. 01 mỏ lết bằng kim loại màu trắng, là công cụ bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, giá trị không đáng kể nên tịch thu tiêu hủy theo quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[10] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, bị cáo không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm b, h, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 50, Điều 38, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106, Điều 135, Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Văn S phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lê Văn S 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 11/5/2023.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho Công ty Điện lực T số tiền 5.099.875 đồng *(Năm triệu không trăm chín mươi chín nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng)*. Chuyển số tiền 5.099.875 đồng *(Năm triệu không trăm chín mươi chín nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng)* đã nộp tại Biên lai thu tiền số

0001045 ngày 12/7/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình để thực hiện trách nhiệm bồi thường của bị cáo với Công ty Điện lực T.

4. Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 xe máy nhãn hiệu YAMAHA FZ 16 màu đen, biển kiểm soát 93 K1- 028.40, đã qua sử dụng. Tịch thu tiêu hủy 01 mỏ lết bằng kim loại màu trắng.

(Vật chứng có đặc điểm như trong Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Công an thành phố Thái Bình và Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình ngày 19/7/2023).

5. Về án phí: Buộc bị cáo Lê Văn S phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Lê Văn S được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 09/8/2023. Công ty Điện lực T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Chị Nguyễn Thị L được quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an tỉnh Thái Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình;
- Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hương